

THÔNG TƯ

Quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Để thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần và hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Thông tư này áp dụng đối với chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Điều 2. Điểm số, cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

1. Tổng điểm số các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật là 100 điểm. Điểm số của từng chỉ tiêu được thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:

a) Đối với chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), điểm số tính như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

(Hướng dẫn cụ thể cách tính điểm được quy định cụ thể tại Phụ lục I)

b) Đối với chỉ tiêu không xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), cách tính điểm theo điểm số tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

c) Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân. Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu quy định tại điểm a và điểm b khoản này, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên.

(Hướng dẫn cụ thể cách làm tròn số thập phân được quy định tại Phụ lục I)

Điều 3. Biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Thông tư này, bao gồm:

1. Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm (Mẫu 01-TCPL-II);
2. Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Mẫu 02-TCPL-II);
3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Mẫu 03-TCPL-II);
4. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu 04-TCPL-II);
5. Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 05-TCPL-II);
6. Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật (Mẫu 06-TCPL-II);
7. Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 07-TCPL-II);
8. Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 08-TCPL-II);
9. Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 09-TCPL-II).

Điều 4. Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

1. Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật (sau đây gọi chung là Hội đồng) bao gồm các thành viên sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Tư pháp;

c) Ủy viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, Công an cấp huyện, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới (nếu có);

d) Thư ký Hội đồng: 01 công chức Phòng Tư pháp.

2. Số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định, nhưng tối đa không quá 15 người. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Hội đồng có chức năng tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Xem xét, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

b) Trao đổi, đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện các sáng kiến, giải pháp đó trong phạm vi địa phương;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

4. Thành viên Hội đồng có nhiệm vụ sau đây:

a) Tư vấn, tham gia ý kiến về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lĩnh vực được giao quản lý. Ý kiến của thành viên Hội đồng là ý kiến của cơ quan, tổ chức nơi công tác;

b) Đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tư vấn, tổ chức thực hiện sáng kiến, giải pháp đó;

c) Tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng. Trong trường hợp không thể tham dự cuộc họp mà có lý do chính đáng thì phải gửi ý kiến bằng văn bản về các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng;

d) Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều phối hoạt động chung và triệu tập, chủ trì cuộc họp Hội đồng. Phó Chủ tịch Hội đồng có nhiệm vụ chủ trì cuộc họp và thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt.

5. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Tại cuộc họp, thành viên Hội đồng tư vấn, thảo luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thông qua các nội dung cần

xin ý kiến Hội đồng. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của người chủ trì cuộc họp Hội đồng và Thư ký Hội đồng. Ý kiến của thành viên Hội đồng phải được tổng hợp đầy đủ, khách quan, trung thực trong biên bản cuộc họp.

6. Quan hệ công tác giữa Hội đồng, thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp cấp huyện:

a) Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin thông suốt giữa thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

b) Phòng Tư pháp là cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng; tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu cho Hội đồng về các nội dung cần yêu cầu giải trình, bổ sung làm rõ;

c) Căn cứ kết luận của Hội đồng, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

Điều 5. Đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã

1. Đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng bao gồm tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề năm đánh giá.

2. Số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng hằng năm của mỗi đơn vị cấp xã do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hướng dẫn nhưng tối thiểu phải đạt từ 15% trở lên số lượt thủ tục hành chính tại cấp xã đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá.

3. Đối với cấp xã trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng thực hiện đo lường sự hài lòng về chỉ số cải cách thủ tục hành chính (chỉ số PAR INDEX) thì có thể lồng ghép đánh giá hoặc sử dụng kết quả của chỉ số này để tính điểm chỉ tiêu 5 về “bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính” của Tiêu chí 2.

4. Việc đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến thực hiện như sau:

a) Việc tổ chức đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến được thực hiện nhiều lần vào cuối tháng, cuối quý hoặc 06 tháng một lần theo điều kiện thực tế của địa phương nhưng đối tượng, số lượng đối tượng tham gia đánh giá phải tuân thủ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu lấy ý kiến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến khi tiếp nhận hồ sơ hoặc khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân. Khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Phiếu lấy ý kiến vào thùng, hòm đựng phiếu đặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu lấy ý kiến theo cách thức điều tra thì cán bộ điều tra có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến; thu nhận, tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và bàn giao đầy đủ cho công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý, tổng hợp kết quả theo quy định.

5. Hằng năm, căn cứ quy định về các hình thức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã và điều kiện, yêu cầu thực tế của nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể hình thức và thời điểm tổ chức đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, phân công công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp công chức Tư pháp – Hộ tịch tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính như sau:

a) Đề xuất đối tượng, số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã theo chỉ đạo hằng năm của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã; tổng hợp, xử lý kết quả đánh giá sự hài lòng; xây dựng bảng tổng hợp kết quả theo mẫu quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

Điều 6. Sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức đồng thời với đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá để xét, đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức trước thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

1. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật chủ trì, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện Thông tư này trong phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương.

Khi có phản ánh, kiến nghị về các vấn đề liên quan đến đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết theo quy định của Thông tư này.

4. Cơ quan, tổ chức có liên quan đến đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện nhiệm vụ được giao theo Thông tư này và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2017.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung. *WThuan*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PBGDPL.



Phan Chí Hiếu

Phụ lục I

ĐIỂM SỐ CÁC CHỈ TIÊU CỦA TIÊU CHÍ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

*(Kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

1. Điểm số các chỉ tiêu của tiêu chí tiếp cận pháp luật

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15
Chi tiêu 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ	4
	1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao <i>(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật không giao được tính 01 điểm)</i>	1
	a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ	1
	b) Ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ	0,5
	c) Không ban hành	0
	2. Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ	1
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra / Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100</i>	
	3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên	2
	a) Tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định	2
	b) Tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng	1
c) Không tổ chức thực hiện	0	
Chi tiêu 2	An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước	6

	1. Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hàng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã	1
	2. Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã	2
	3. Kiểm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn	3
	4. Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm	
Chi tiêu 3	Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước	5
	1. Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền) x 100</i>	3
	2. Về khiếu nại, tố cáo kéo dài	1
	a) Không có khiếu nại, tố cáo kéo dài	1
	b) Giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0,5
	c) Không giảm hoặc tăng khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0
	3. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân	1
	3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định	0,5
3.2. Kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật	0,5	
Tiêu chí 2	Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	30
Chi tiêu 1	Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính	4
	1. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thủ tục hành chính đã niêm yết công khai / Tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai) x 100</i>	2
	2. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định	1

	a) Niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	1
	b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0,5
	c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0
	3. Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định	1
	3.1. Niêm yết theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...)	0,5
	3.2. Niêm yết tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận	0,5
Chi tiêu 2	Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định	2
	1. Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5
	a) Đảm bảo diện tích theo quy định	0,5
	b) Không đảm bảo diện tích theo quy định	0,25
	2. Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5
	a) Đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,5
	b) Chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,25
	3. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định	1
4. Không bố trí, không đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm quy định tại điểm 1, 2, 3 của chi tiêu này bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm		
Chi tiêu 3	Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định	10
	Thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt thủ tục hành chính đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i>	10
Chi tiêu 4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định	2
	Phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>(Trong năm đánh giá không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tính 02 điểm)</i> <i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i>	2
Chi tiêu 5	Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái	12

	<p>1. Hải lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i></p>	7
	<p>2. Hải lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i></p>	5
Tiêu chí 3	Phổ biến, giáo dục pháp luật	25
Chỉ tiêu 1	Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã	2
	<p>1. Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản đã thực hiện công khai/Tổng số văn bản theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai) x 100</i></p>	1
	2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai	1
	2.1. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn	0,5
	2.2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức	0,5
Chỉ tiêu 2	Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định	2
	<p>Thực hiện cung cấp thông tin pháp luật qua các hình thức cung cấp thông tin theo quy định và qua hoạt động của người phát ngôn (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 02 điểm)</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp/Tổng số thông tin pháp luật có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i></p>	2
Chỉ tiêu 3	Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên	2
	a) Lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	2

	b) Lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1
	c) Không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến	0
	<i>Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính 02 điểm</i>	
Chi tiêu 4	Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã	2
	a) Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp	2
	b) Tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ công chức cấp xã	1
	c) Không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã	0
Chi tiêu 5	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp	4
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm	0,5
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra	3,5
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	3,5
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0
Chi tiêu 6	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật	2
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm	0,5
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp	1,5

	luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra	
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0
Chỉ tiêu 7	Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã	6
	1. Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở (cố định hoặc lưu động) hoặc thiết chế thông tin cơ sở phù hợp theo định kỳ	2
	a) Thực hiện hàng tuần và nội dung thiết thực, đa dạng	2
	b) Thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng	1
	c) Thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng	0,5
	d) Không thực hiện theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng	0
	2. Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật (truyền thống hoặc điện tử), Tủ sách cơ sở ở cấp xã theo quy định	3
	2.1. Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ trách và quản lý, sử dụng Tủ sách theo quy định	0,5
	2.2. Định kỳ thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách theo quy định	0,5
	2.3. Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách pháp luật	1
	2.4. Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện – văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời	0,5
	2.5. Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, tổ dân phố; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê...) trên địa bàn	0,5
3. Khai thác, huy động hỗ trợ mạng lưới Câu lạc bộ tham gia phổ biến cung cấp thông tin pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ	1	

	pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh hoặc Câu lạc bộ khác)	
	3.1. Hằng năm có định hướng nội dung khai thác, huy động mạng lưới Câu lạc bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5
	3.2. Hằng năm có hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ (kinh phí, tài liệu...), hỗ trợ sinh hoạt pháp luật định kỳ có hiệu quả, thiết thực	0,5
Chỉ tiêu 8	Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương	2
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương	2
	2. Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
Chỉ tiêu 9	Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định	3
	1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	1
	2. Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kinh phí được cấp/Tổng số kinh phí đề xuất với các mức chi và nội dung chi theo quy định của pháp luật về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt) x 100</i>	2
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
Tiêu chí 4	Hòa giải ở cơ sở	10
Chỉ tiêu 1	Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở	3
	1. Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên (<i>Trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên được tính 01 điểm</i>)	1
	2. Hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định	0,5
	3. Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở	0,5
	4. Hòa giải viên được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã thực hiện	1
Chỉ tiêu 2	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên	4

	<p>1. Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải/Tổng số vụ, việc được tiếp nhận thuộc phạm vi hòa giải theo quy định) x 100</i></p>	2
	<p>2. Các vụ, việc hòa giải thành</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i></p>	2
	Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định	3
Chỉ tiêu 3	1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở	1
	2. Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên	2
	2.1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải	1
	a) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định	1
	b) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo định mức thấp hơn định mức quy định	0,5
	2.2. Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc	1
	a) Chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định	1
	b) Chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định	0,5
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20
Chỉ tiêu 1	<p>Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3</p> <p><i>Tỷ lệ % = Tổng số nội dung đã công khai/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế x 100</i></p>	4
Chỉ tiêu 2	<p>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp) x 100</i></p>	4

Chi tiêu 3	<p>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	4
Chi tiêu 4	<p>Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	4
Chi tiêu 5	<p>Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	4

2. Hướng dẫn cụ thể cách tính điểm số theo tỷ lệ phần trăm (%) và cách làm tròn điểm số thập phân của từng chỉ tiêu

2.1. Đối với chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), điểm số tính như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

Ví dụ:

- Tỷ lệ % đạt được của chỉ tiêu: 83,33%;

- Số điểm tối đa của chỉ tiêu: 05 điểm;

- Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) = $(83,33 \times 5)/100 = 4,1665$ điểm.

2.2. Đối với việc làm tròn điểm số của từng chỉ tiêu và làm tròn tổng số điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:

a) Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân:

Ví dụ: Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) là 4,1665 điểm thì số điểm của chỉ tiêu sau khi đã làm tròn là 4,17 điểm.

b) Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên:

Ví dụ:

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 89,01 đến 89,49 làm tròn là 89 điểm.

Phụ lục II

BIỂU MẪU THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số	Tên mẫu	Ký hiệu
01	Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm	Mẫu 01-TCPL-II
02	Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính	Mẫu 02 -TCPL-II
03	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính	Mẫu 03 -TCPL-II
04	Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Mẫu 04 -TCPL-II
05	Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 05 -TCPL-II
06	Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật	Mẫu 06 -TCPL-II
07	Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 07 -TCPL-II
08	Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 08 -TCPL-II
09	Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 09 -TCPL-II

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ TỰ CHÁM ĐIỂM

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số đánh giá	Ghi chú	Chữ ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15			
Chỉ tiêu 1	4			
1. Nội dung 1	1			
2. Nội dung 2	1			
3. Nội dung 3	2			
Chỉ tiêu 2	6			
1. Nội dung 1	1			
2. Nội dung 2	2			
3. Nội dung 3	3			
.....			
.....			
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20			
Chỉ tiêu 1	4			
Chỉ tiêu 2	4			
.....				
Tổng điểm		100			

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH
(Ký và ghi rõ họ tên)

(2) Ghi rõ nội dung tiêu chí, chỉ tiêu và nội dung cụ thể của từng chỉ tiêu theo Phụ lục I

(4) Ghi điểm số đạt được sau khi đã trừ điểm số bị trừ theo quy định (nếu có)

(5) Ghi số điểm bị trừ (nếu có) hoặc các nội dung khác

(6) Công chức cấp xã tổng hợp điểm số của từng chỉ tiêu, tiêu chí được giao quản lý, theo dõi và ký, ghi rõ họ tên

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG
Về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính**

Địa điểm (1):

Tên thủ tục hành chính (2):

Đề nghị tổ chức/cá nhân vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu "X" vào ô "□" lựa chọn đối với các câu hỏi dưới đây:

1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Hài lòng

Không hài lòng

2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Hài lòng

Không hài lòng

Người đánh giá (3)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)...

(2) Ghi rõ tên thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết. Ví dụ: Đăng ký khai sinh/Đăng ký kết hôn...

(3) Phần này không bắt buộc, có thể ghi hoặc không

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG
Về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính

- Tổng số lượt thủ tục hành chính đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá:.....
- Tổng số ý kiến:
- Kết quả tổng hợp:

Nội dung	Mức độ đánh giá				Ghi chú
	Hài lòng		Không hài lòng		
	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					
2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					
Kết quả trung bình về tỷ lệ % (*)					

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔNG HỢP
(Ký và ghi rõ họ tên)

(3) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (2)/Tổng số ý kiến x 100

(5) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (4)/Tổng số ý kiến x 100

(*) Tỷ lệ % trung bình = Tổng tỷ lệ % kết quả đánh giá sự hài lòng của 02 nội dung đánh tại cột (3) và cột (5)/2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã (phường, thị trấn) ...

I. Khái quát đặc điểm, tình hình

- Điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội, số lượng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ dân phố; dân số; xã (phường, thị trấn) thuộc loại nào trong các xã (phường, thị trấn) theo quy định về phân loại đơn vị hành chính.

- Thuận lợi, khó khăn trong đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Kết quả đạt được

1.1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

1.2. Về đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật:

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt từ 50% trở lên tổng số điểm tối đa

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt dưới 50% tổng số điểm tối đa

- Tổng số điểm bị trừ: ... điểm

- Tổng số điểm đạt được của 5 tiêu chí: ... /100 điểm; số điểm sau khi làm tròn: ... điểm.

b) Đối chiếu với các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Điều kiện về tổng số điểm của từng tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm của các tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về cán bộ công chức cấp xã vi phạm kỷ luật theo quy định (nêu rõ các trường hợp vi phạm, hình thức bị kỷ luật..., đạt hay chưa đạt).

c) Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và kết quả cuộc họp Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ... tự đánh giá: **Đạt/Chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.**

2. Những tác động (tích cực, tiêu cực) của việc thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật (đối với việc cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân đối với thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tháo gỡ kịp thời mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn cấp xã).

3. Thuận lợi, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Sáng kiến, kinh nghiệm trong thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

IV. Giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật cho người dân

(Phần này nêu giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các tiêu chí, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm sau).

VI. Kiến nghị, đề xuất

Đưa ra kiến nghị, đề xuất phù hợp với đặc thù địa phương về nhận thức, thể chế, chính sách; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện; các điều kiện bảo đảm thực hiện và các vấn đề khác có liên quan đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đối với Ủy ban nhân dân cấp trên; với các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Nơi nhận:

- UBND huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....;

-

- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Họ và tên

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /....

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị công nhận cấp xã đạt
chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ kết quả cuộc họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm....của UBND xã;

Căn cứ.....,

UBND xã kính đề nghị UBND huyện, tỉnh.....xem xét, quyết định công nhận Ủy ban nhân dân xã..... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

Hồ sơ kèm theo gồm có:

1. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm.
3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân;
4. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã.
5. Tài liệu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký tên và đóng dấu)
Họ và tên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
 (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
 THUỘC TỈNH...)...
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
 TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BB-HĐTCPL

..., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

Thời gian: ... giờ ... ngày...tháng...năm ...

Địa điểm:.....

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp huyện (quận, thị xã, thành phố ...)...tiến hành họp để xem xét, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm

I. Thành phần tham dự

Hội đồng có.....thành viên tham dự (vắng ...), bao gồm:

- Đồng chí: ... Chủ trì cuộc họp;
- Đồng chí ...- Thư ký cuộc họp;
- Các Ủy viên:người.

II. Nội dung cuộc họp

1. Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Hội đồng thảo luận, có ý kiến tư vấn về những nội dung sau:

- Kết quả tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình và Phòng Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

- Các nội dung, vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định.

2. Ý kiến tư vấn của thành viên Hội đồng (ghi đầy đủ, cụ thể các ý kiến của thành viên Hội đồng tham dự họp)

3. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng

Căn cứ vào kết quả thảo luận của các thành viên Hội đồng và ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có), Chủ tịch Hội đồng có ý kiến:

- Thể hiện ý kiến về các nội dung, vấn đề thuộc trách nhiệm của thành viên Hội đồng;

- Giao Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và các tài liệu có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến

Nêu rõ có ... thành viên/...tổng số thành viên Hội đồng nhất trí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ngày ... tháng ... năm....

Biên bản này được lập thành ... bản, gửi.... và lưu giữ tại...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
 (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
 THUỘC TỈNH...)...
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàythángnăm.....

DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I (**)							
1							
2							
....								
II	Loại II (***)							
3								
4								
....								
III	Loại III (****)							
....								
....								

Nơi nhận:

.....

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg (**), (***), (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(3) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

Mẫu 08-TCPL-II
Ban hành kèm theo Thông tư
số 07/2017/TT-BTP

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH...)
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàythángnăm.....

DANH SÁCH CẤP XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)	Cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Loại I (**)								
1								
2								
....									
II	Loại II (***)								
3									
4									
....									
III	Loại III (****)								
....									
....									

Nơi nhận:

-....

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg (**), (***) , (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(4) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

(10) Đánh dấu "X" nếu trong năm đánh giá có cán bộ, công chức bị xử lý kỉ luật theo quy định



**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH...)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận (xã phường, thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH...)....**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm ... ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ... xã, phường, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm....

Điều 2.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-;

- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

